

Số: 2037/QĐ - UBND

Thanh Hóa, ngày 13 tháng 6 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt phân bổ kinh tổ chức kỳ thi trung học phổ thông
Quốc gia năm 2017 của tỉnh Thanh Hóa.

CHỦ TỊCH UBND TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25 tháng 6 năm 2015 của Quốc hội; Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ về việc: “Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước”; Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về việc: “Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước”;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 66/2012/TTLT-BTC-BGDĐT ngày 26/4/2012 của liên Bộ Tài chính, Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc: “Hướng dẫn về nội dung, mức chi, công tác quản lý tài chính thực hiện xây dựng ngân hàng câu trắc nghiệm, tổ chức các kỳ thi phổ thông, chuẩn bị tham dự các kỳ thi Olympic quốc tế và khu vực”; Thông tư số 04/TT-BGDĐT ngày 25/01/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc: “Ban hành Quy chế thi THPT Quốc gia và xét công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông”; Quyết định số 957/QĐ-BGDĐT ngày 27/3/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc: “Giao nhiệm vụ chủ trì và phối hợp thi THPT Quốc gia năm 2017”; Công văn số 1258/BGD&ĐT-KHTH ngày 29/3/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc: “Hướng dẫn cơ chế tài chính kỳ thi THPT Quốc gia và tuyển sinh đại học, cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên chính quy năm 2017”;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa: Quyết định số 4763/2016/QĐ-UBND ngày 09/12/2016 về: “Giao dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách cấp tỉnh năm 2017”; Quyết định số 874/QĐ-UBND ngày 27/3/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc: “Phê duyệt chủ trương chuyển nguồn và nhiệm vụ chi kế hoạch năm 2016 sang thực hiện năm 2017”;

Xét đề nghị của liên ngành: Sở Tài chính – Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Thanh Hóa tại Tờ trình số 2305/TTr/LN: TC-GD&ĐT ngày 09/6/2017 về việc: “Đề nghị bổ sung kinh phí tổ chức kỳ thi THPT Quốc gia năm 2017”,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phân bổ bổ sung kinh phí tổ chức kỳ thi trung học phổ thông Quốc gia năm 2017 của tỉnh Thanh Hóa để các ngành, các đơn vị có liên quan thực hiện; với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tổng kinh phí phân bổ bổ sung đợt này: 15.908.000.000,0 đồng (Mười lăm tỷ, chín trăm lẻ tám triệu đồng).

Bao gồm:

1.1. Chi tại Sở Giáo dục và Đào tạo Thanh Hóa:

a) Kinh phí: 3.679.000.000,0 đồng (Ba tỷ, sáu trăm bảy mươi chín triệu đồng).

b) Nguồn kinh phí: Từ nguồn đã giao cho Sở Giáo dục và Đào tạo Thanh Hóa tại Quyết định số 4763/QĐ-UBND ngày 09/12/2016 của UBND tỉnh Thanh Hóa.

1.2. Chi tại các trường THPT:

a) Kinh phí: 12.229.000.000,0 đồng (Mười hai tỷ, hai trăm hai mươi chín triệu đồng).

(Có phụ lục chi tiết kèm theo)

b) Nguồn kinh phí:

- Từ nguồn điều chỉnh giảm dự toán đã giao cho Sở Giáo dục và Đào tạo Thanh Hóa (Kinh phí kỳ thi THPT Quốc gia) tại Quyết định số 4763/QĐ-UBND ngày 09/12/2016 của UBND tỉnh Thanh Hóa là: 6.321.000.000,0 đồng (Sáu tỷ, ba trăm hai mươi một triệu đồng).

- Bổ sung từ nguồn chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo năm 2016 đã được phê duyệt chuyển nguồn và nhiệm vụ chi sang thực hiện năm 2017 tại Quyết định số 874/QĐ-UBND ngày 27/3/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa là: 5.908.000.000,0 đồng (Năm tỷ, chín trăm lẻ tám triệu đồng).

2. Tổ chức thực hiện.

2.1. Sau khi có Quyết định phê duyệt của Chủ tịch UBND tỉnh, Sở Tài chính có trách nhiệm thực hiện các thủ tục nghiệp vụ điều chỉnh dự toán và thông báo bổ sung dự toán cho các đơn vị để thực hiện chính sách theo đúng quy định hiện hành của nhà nước.

2.2. Sở Tài chính phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện của các đơn vị, địa phương đảm bảo theo đúng các quy định của pháp luật.

2.3. Thủ trưởng các ngành và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng kinh phí được giao đúng mục đích, nội dung, đối tượng và thanh quyết toán theo đúng các quy định hiện hành; chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh và pháp luật về các quyết định của mình có liên quan.

Điều 2. Sở Tài chính, Sở Giáo dục và Đào tạo, Kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hóa, UBND các huyện, thị xã, thành phố, các ngành và đơn vị có liên

quan căn cứ vào nội dung được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này có trách nhiệm tổ chức thực hiện, đảm bảo theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

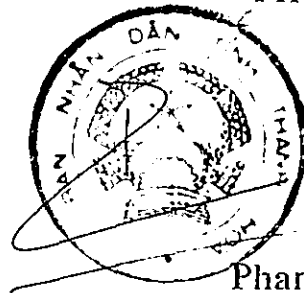
Chánh Văn phòng UBND tỉnh Giám đốc các Sở: Tài chính, Giáo dục và Đào tạo; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hóa; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các ngành, các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.



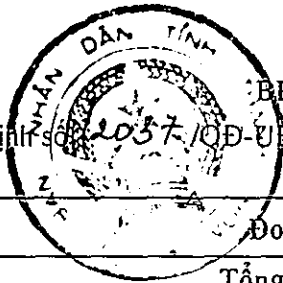
Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ (để thực hiện);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTTC Thn201787 (15).

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH *dan*



Phạm Đăng Quyền

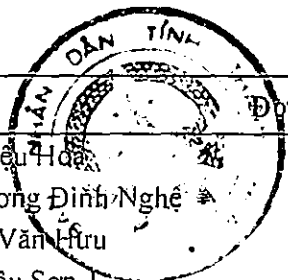


Phụ lục 01:
BIỂU TỔNG HỢP

(Kèm theo Quyết định số 2037/QĐ-UBND ngày 13/6/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị tính: Nghìn đồng

STT	Đơn vị	Số tiền
	Tổng cộng:	15.908.000
	Đã giao trong dự toán đầu năm	10.000.000
	Dự toán thiếu bổ sung đợt này	5.908.000
I	Sở Giáo dục và Đào tạo	3.679.000
II	Các trường THPT	12.229.000
1	THPT Đào Duy Từ	225.000
2	THPT Hàm Rồng	230.000
3	THPT Nguyễn Trãi	135.000
4	THPT Chuyên LS	191.000
5	THPT Tô Hiến Thành	131.000
6	THPT Bim Sơn	134.000
7	THPT Lê Hồng Phong	95.000
8	THPT Sầm Sơn	144.000
9	THPT Quảng Xương 3	208.000
10	THPT Quan Hoá	131.000
11	THPT Quan Sơn	843.000
12	THPT Mường Lát	113.000
13	THPT Bá Thước	167.000
14	THPT Hà Văn Mao	114.000
15	THPT Cẩm Bá Thước	217.000
16	THPT Thường Xuân	115.000
17	THPT Như Xuân	217.000
18	THPT Như Thanh	210.000
19	THPT Như Thanh 2	99.000
20	THPT Lang Chánh	135.000
21	THPT Ngọc Lặc	217.000
22	THPT Lê Lai	177.000
23	THPT Thạch Thành 1	147.000
24	THPT Thạch Thành 2	153.000
25	THPT Thạch Thành 3	135.000
26	THPT Cẩm Thủy 1	215.000
27	THPT Cẩm Thủy 3	169.000
28	THPT Lê Lợi	190.000
29	THPT Lê Văn Linh	169.000
30	THPT Lê Hoàn	147.000
31	THPT Lam Kinh	176.000
32	THPT Vĩnh Lộc	136.000
33	THPT Tống Duy Tân	136.000



STT	Đơn vị	Số tiền
34	THPT Thiệu Hoá	176.000
35	THPT Dương Đình Nghệ	176.000
36	THPT Lê Văn Hữu	165.000
37	THPT Triệu Sơn 1	207.000
38	THPT Triệu Sơn 3	156.000
39	THPT Triệu Sơn 2	157.000
40	THPT Triệu Sơn 4	132.000
41	THPT Nông Công 1	156.000
42	THPT Triệu Thị Trinh	116.000
43	THPT Nông Công 2	123.000
44	THPT Nông Công 3	182.000
45	THPT Đông Sơn 1	163.000
46	THPT Nguyễn Mộng Tuân	157.000
47	THPT Hà Trung	183.000
48	THPT Hoàng Lệ Kha	171.000
49	THPT Lương Đắc Bằng	206.000
50	THPT Hoàng Hoá 2	177.000
51	THPT Hoàng Hoá 3	171.000
52	THPT Hoàng Hoá 4	188.000
53	THPT Ba Đình	182.000
54	THPT Mai Anh Tuấn	156.000
55	THPT Trần Phú	171.000
56	THPT Hậu Lộc 1	150.000
57	THPT Hậu Lộc 2	201.000
58	THPT Hậu Lộc 4	196.000
59	THPT Quảng Xương 1	207.000
60	THPT Nguyễn Xuân Nguyên	166.000
61	THPT Quảng Xương 4	118.000
62	THPT Đặng Thai Mai	203.000
63	THPT Tĩnh Gia 1	194.000
64	THPT Tĩnh Gia 2	214.000
65	THPT Tĩnh Gia 3	171.000
66	THPT Tĩnh Gia 5	137.000
67	THPT Yên Định 1	217.000
68	THPT Yên Định 2	213.000
69	THPT Yên Định 3	150.000



Phụ lục 02:

BIỂU CHI TẠI SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

(Kèm theo Quyết định số 42.037/QĐ-UBND ngày 3/6/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

	Nội dung	ĐV tính	Số lượng	Số ngày	Định mức	Dự toán kinh phí (1000đ)
	Tổng cộng chi tại Sở Giáo dục và Đào tạo (Lấy tròn số)					3.679.000
1	Ban in sao để					119.200
-	Chủ tịch:	Người	1	10	240	2.400
-	Phó Chủ tịch	Người	1	10	210	2.100
-	Các Thư ký, uỷ viên và bảo vệ vòng trong	Người	26	10	170	44.200
-	Bảo vệ vòng ngoài, phục vụ	Người	5	10	90	4.500
-	Hỗ trợ tiền ăn cho ban sao in	Người	33	10	200	66.000
2	Chấm thi					1.175.033
-	Trưởng ban	Người	1	8	240	1.920
-	Phó trưởng ban	Người				-
+	Chấm trắc nghiệm	Người	3	8	200	4.800
+	Chấm tự luận	Người	6	6	200	7.200
-	Thư ký: người x ngày x tiền					-
+	Chấm trắc nghiệm	Người	3	8	170	4.080
+	Chấm tự luận	Người	6	6	170	6.120
-	Bảo vệ, công an, phục vụ	Người	12	8	90	8.640
-	Chấm bài tự luận	Bài	32275		15	484.125
-	Chấm bài trắc nghiệm	Bài	165017		4	660.068
3	Thanh tra coi thi, chấm thi:					400.200
-	Trưởng đoàn thanh tra	Người	69	10	240	165.600
-	Các Thành viên	Người	138	10	170	234.600
4	Dự kiến công tác phúc khảo					47.400
-	Chủ tịch	Người	1	10	130	1.300
-	Phó chủ tịch	Người	2	10	130	2.600
-	Ủy viên, thư ký, KTV	Người	30	10	130	39.000
-	Bảo vệ	Người	5	10	90	4.500

	Đội dùng	ĐV tính	Số lượng	Số ngày	Định mức	Dự toán kinh phí (1000đ)
5	Công tác phí đi chấm thi (Phụ lục 2 kèm theo)					504.000
6	Các nội dung chi khác					1.433.142
-	Ban chỉ đạo thi cấp Tỉnh					170.700
+	Trưởng ban	Người	1	30	150	4.500
+	Phó trưởng ban	Người	4	30	120	14.400
+	Thành viên	Người	46	30	110	151.800
-	Ban tổ chức thi cấp tỉnh	Người				121.500
+	Trưởng ban	Người	1	30	150	4.500
+	Phó trưởng ban	Người	5	30	120	18.000
+	Thành viên	Người	30	30	110	99.000
-	Ban chỉ đạo thi cấp huyện	Người				610.200
+	Trưởng ban	Người	27	10	150	40.500
+	Phó trưởng ban	Người	54	10	120	64.800
+	Thành viên	Người	459	10	110	504.900
-	Nhập và xử lý kết quả thi	HS	33.522		1	33.522
-	Văn phòng phẩm + in ấn TL + đề thi	HS	33.522		10	335.220
-	Hội nghị triển khai công tác thi (2 lần)					20.000
-	Thuê xe vận chuyển, bốc vác bài					10.000
-	Kinh phí thông tin, truyền thông					20.000
-	Địa điểm chấm bài tự luận (Hội trường, phòng, điện, nước uống, nước sinh hoạt, phục vụ, thuốc phòng... làm việc: 2000.000/ ngày	ĐĐ	1	6	2.000	12.000
-	Chi khác (Tiếp khách, làm việc với thanh tra ngoài tỉnh coi và chấm thi, họp báo, kiểm tra trước kỳ thi)					100.000

Đã làm

Phụ lục 03:
BIỂU CHI TẠI CÁC TRƯỜNG THPT
 (Kèm theo Quyết định số 2037/QĐ-UBND ngày 13/6/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị tính: Nghìn đồng

TT	Điểm thi	Số HS	Số phòng thi	Điểm trưởng	Điểm phó	Thư ký	CB coi thi + GS tại tỉnh	CB coi thi + GS ngoài tỉnh	Công an	Phục vụ	Bảo vệ	C'B y tế	Phụ cấp, công tác phí	Chi khác (nước uống, thuốc, điện, vệ sinh, xăng xe...)	Tổng chi (Làm tròn)
	Tổng cộng:	33.522	1.464	69	178	204	2.387	855	560	254	138	69	10.012.850	2.216.956	12.229.000
1	THPT Đào Duy Từ	769	34	1	3	3	50	19	12	5	2	1	201.080	24.167	225.000
2	THPT Hàm Rồng	822	34	1	3	3	52	19	12	5	2	1	205.920	24.396	230.000
3	THPT Nguyễn Trãi	392	17	1	2	3	28	10	8	3	2	1	117.540	17.456	135.000
4	THPT Chuyên Lam Sơn	606	26	1	3	3	40	17	8	4	2	1	169.490	21.083	191.000
5	THPT Tô Hiến Thành	347	16	1	2	3	24	12	8	3	2	1	113.500	17.001	131.000
6	THPT Bim Sơn	350	16	1	2	3	22	14	8	3	2	1	114.300	19.810	134.000
7	THPT Lê Hồng Phong	216	10	1	2	2	17	7	8	2	2	1	79.390	16.018	95.000
8	THPT Sầm Sơn	408	18	1	2	3	27	13	8	3	2	1	123.580	20.424	144.000
9	THPT Quảng Xương 3	649	28	1	3	3	44	18	8	5	2	1	182.340	25.522	208.000
10	THPT Quan Hoá	279	14	1	2	3	24	8	8	3	2	1	111.520	19.357	131.000
11	THPT Quan Sơn	288	16	1	2	3	27	9	8	3	2	1	122.500	720.424	843.000
12	THPT Mường Lát	213	12	1	2	2	19	8	8	2	2	1	94.500	18.414	113.000
13	THPT Bá Thước	420	20	1	2	3	31	13	8	3	2	1	144.660	22.400	167.000

Handwritten signature

TT	Điểm thi	Số HS	Số phòng thi	Điểm tròn	Điểm phó	Thư ký	CB coi thi + GS tại tỉnh	CB coi thi + GS ngoài tỉnh	Công an	Phục vụ	Bảo vệ	CB y tế	Phụ cấp, công tác phí	Chi khác (nước uống, thuốc, điện, vệ sinh, xăng xe...)	Tổng chi (Làm tròn)
14	THPT Hà Văn Mao	281	12	1	2	3	22	5	8	2	2	1	97.270	16.953	114.000
15	THPT Cẩm Bá Thước	609	27	1	3	3	48	12	8	5	2	1	191.950	25.082	217.000
16	THPT Thường Xuân	264	12	1	2	3	20	7	8	2	2	1	97.470	17.502	115.000
17	THPT Như Xuân	615	27	1	3	3	49	11	8	5	2	1	191.850	24.800	217.000
18	THPT Như Thanh	597	26	1	3	3	46	12	8	5	2	1	186.510	23.526	210.000
19	THPT Như Thanh 2	219	10	1	2	2	18	5	8	2	2	1	83.320	15.592	99.000
20	THPT Lang Chánh	307	15	1	2	3	25	9	8	3	2	1	117.060	18.361	135.000
21	THPT Ngọc Lặc	637	27	1	3	3	45	15	8	5	2	1	192.250	24.566	217.000
22	THPT Lê Lai	487	21	1	3	3	37	10	8	4	2	1	156.040	21.126	177.000
23	THPT Thạch Thành 1	381	17	1	2	3	30	8	8	3	2	1	127.840	19.023	147.000
24	THPT Thạch Thành 2	410	18	1	2	3	32	8	8	3	2	1	133.280	19.430	153.000
25	THPT Thạch Thành 3	340	15	1	2	3	27	7	8	3	2	1	116.860	18.060	135.000
26	THPT Cẩm Thủy 1	586	24	1	3	3	43	10	8	4	2	1	172.360	42.383	215.000
27	THPT Cẩm Thủy 3	452	19	1	2	3	34	8	8	3	2	1	138.720	29.876	169.000
28	THPT Lê Lợi	601	26	1	3	3	46	11	8	4	2	1	167.090	23.268	190.000
29	THPT Lê Văn Linh	506	22	1	3	3	39	10	8	4	2	1	147.330	21.503	169.000

Handwritten signature

TT	Điểm thi	Số HS	Số phòng thi	Điểm trước	Điểm phó	Thư ký	CB coi thi + GS tại tỉnh	CB coi thi + GS ngoài tỉnh	Công an	Phục vụ	Bảo vệ	CB y tế	Phụ cấp, công tác phí	Chi khác (nước uống, thuốc, điện, vệ sinh, xăng xe...)	Tổng chi (Làm tròn)
30	THPT Lê Hoàn	443	19	1	2	3	32	10	8	3	2	1	127.220	20.249	147.000
31	THPT Lam Kinh	537	23	1	3	3	38	13	8	4	2	1	153.370	22.516	176.000
32	THPT Vĩnh Lộc	356	17	1	2	3	30	8	8	3	2	1	116.740	18.948	136.000
33	THPT Tống Duy Tân	401	17	1	2	3	30	8	8	3	2	1	116.740	19.083	136.000
34	THPT Thiệu Hoá	528	23	1	3	3	37	14	8	4	2	1	153.770	22.689	176.000
35	THPT Dương Đình Nghệ	548	23	1	3	3	38	13	8	4	2	1	153.370	22.549	176.000
36	THPT Lê Văn Hưu	477	21	1	3	3	35	12	8	4	2	1	143.290	21.496	165.000
37	THPT Triệu Sơn 1	631	28	1	3	3	46	16	8	5	2	1	181.540	25.068	207.000
38	THPT Triệu Sơn 3	463	20	1	3	3	34	10	8	3	2	1	134.880	20.664	156.000
39	THPT Triệu Sơn 2	477	20	1	3	3	32	12	8	3	2	1	135.680	21.106	157.000
40	THPT Triệu Sơn 4	365	16	1	2	3	26	10	8	3	2	1	112.700	19.055	132.000
41	THPT Nông Công 1	490	20	1	3	3	34	10	8	3	2	1	134.880	20.745	156.000
42	THPT Triệu Thị Trinh	321	14	1	2	3	25	6	8	3	2	1	99.000	17.448	116.000
43	THPT Nông Công 2	358	15	1	2	3	25	8	8	3	2	1	104.640	18.279	123.000
44	THPT Nông Công 3	558	24	1	3	3	38	15	8	4	2	1	159.010	23.299	182.000
45	THPT Đổng Sơn 1	430	21	1	2	3	33	14	8	4	2	1	141.270	21.720	163.000
46	THPT Nguyễn Mộng Tuân	458	20	1	3	3	31	13	8	3	2	1	136.080	21.249	157.000

Đông

TT	Điểm thi	Số HS	Số phòng thi	Điểm trường	Điểm phó	Thư ký	CB coi thi + GS tại tỉnh	CB coi thi + GS ngoài tỉnh	Công an	Phục vụ	Bảo vệ	CB y tế	Phụ cấp, công tác phí	Chi khác (nước uống, thuốc, điện, vệ sinh, xăng xe...)	Tổng chi (Làm tròn)
47	THPT Hà Trung	538	22	1	3	3	37	16	8	4	2	1	159.410	23.439	183.000
48	THPT Hoàng Lê Kha	527	22	1	3	3	35	14	8	4	2	1	148.930	22.366	171.000
49	THPT Lương Dắc Bằng	660	28	1	3	3	47	15	8	5	2	1	181.140	24.955	206.000
50	THPT Hoàng Hoà 2	534	23	1	3	3	36	15	8	4	2	1	154.170	22.907	177.000
51	THPT Hoàng Hoà 3	515	22	1	3	3	35	14	8	4	2	1	148.930	22.330	171.000
52	THPT Hoàng Hoà 4	588	25	1	3	3	39	16	8	4	2	1	164.250	23.909	188.000
53	THPT Ba Đình	551	24	1	3	3	38	15	8	4	2	1	159.010	23.278	182.000
54	THPT Mai Anh Tuấn	439	20	1	2	3	34	11	8	3	2	1	134.880	20.792	156.000
55	THPT Trần Phú	528	22	1	3	3	35	14	8	4	2	1	148.930	22.369	171.000
56	THPT Hậu Lộc 1	425	19	1	2	3	28	14	8	3	2	1	128.820	20.995	150.000
57	THPT Hậu Lộc 2	611	27	1	3	3	44	16	8	5	2	1	176.700	24.688	201.000
58	THPT Hậu Lộc 4	605	26	1	3	3	38	19	8	5	2	1	170.640	24.915	196.000
59	THPT Quang Xương 1	664	28	1	3	3	45	17	8	5	2	1	181.940	25.367	207.000
60	THPT Nguyễn Xuân Nguyễn	489	21	1	3	3	33	14	8	4	2	1	144.090	21.932	166.000
61	THPT Quang Xương 4	314	14	1	2	3	21	10	8	2	2	1	100.250	18.192	118.000
62	THPT Đặng Thai Mai	648	27	1	3	3	41	19	8	5	2	1	177.900	25.399	203.000

Đỗ

TT	Điểm thi	Số HS	Số phòng	Điểm trưởng	Điểm phó	Thư ký	CB coi thi + GS tại tỉnh	CB coi thi + GS ngoài tỉnh	Công an	Phục vụ	Bảo vệ	CB y tế	Phụ cấp, công tác phí	Chi khác (nước uống, thuốc, điện, vệ sinh, xăng xe...)	Tổng chi (Làm tròn)
63	THPT tỉnh Gia 1	613	26	1	3	3	40	17	8	4	2	1	169.490	24.504	194.000
64	THPT tỉnh Gia 2	684	29	1	3	3	44	20	8	5	2	1	187.980	26.347	214.000
65	THPT tỉnh Gia 3	507	22	1	3	3	35	14	8	4	2	1	148.930	22.306	171.000
66	THPT tỉnh Gia 5	381	17	1	2	3	28	10	8	3	2	1	117.540	19.423	137.000
67	THPT Yên Định 1	685	30	1	3	3	50	16	8	5	2	1	191.220	25.870	217.000
68	THPT Yên Định 2	685	29	1	3	3	47	17	8	5	2	1	186.780	25.750	213.000
69	THPT Yên Định 3	439	19	1	2	3	27	15	8	3	2	1	129.220	21.237	150.000

[Signature]